

Số: 1718 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng
năm 2025 của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 01/TTr-HĐQL ngày 16 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng tỉnh Đồng Nai năm 2025 (Kế hoạch số 25/KH-QNNMT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai kèm theo) do Quỹ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, được Hội đồng quản lý Quản lý Quỹ Nông nghiệp và Môi trường thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐQLQ ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan thực hiện:

a) Chỉ đạo Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch được phê duyệt theo đúng quy định.

b) Thực hiện xét duyệt báo cáo quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng đối với Quỹ Nông nghiệp và Môi trường, các chủ rừng là tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại điểm đ, điểm e Khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

2. Quỹ Nông nghiệp và Môi trường.

a) Triển khai Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

b) Căn cứ kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và nguồn thu tiền dịch vụ môi trường rừng thực tế trong năm 2025, chủ động lập kế hoạch điều chỉnh kế hoạch thu, chi năm 2025 trên địa bàn tỉnh cho đúng với diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng và đúng với nguồn thu thực tế trong năm, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các đơn vị chủ rừng, các bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng kịp thời, đúng quy định (không trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lại kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của năm 2025).

c) Thông báo cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng số tiền được chi trả trước ngày 15 tháng 4 năm 2026; thực hiện thanh toán tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trước ngày 01 tháng 6 năm 2026 theo quy định.

d) Thông báo kết quả chi trả ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng đến bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

đ) Thực hiện việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định tại Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Đối với chủ rừng là tổ chức.

a) Chủ rừng là tổ chức có thực hiện giao khoán quản lý bảo vệ rừng có trách nhiệm xác định diện tích rừng đủ điều kiện được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các đối tượng tham gia nhận khoán; thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng nhận khoán theo đúng quy định. Số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng do chủ rừng tự bảo vệ và số tiền trích để chi cho công tác quản lý của chủ rừng sau khi trừ chi phí cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được coi là nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng quản lý theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng.

b) Căn cứ số tiền dịch vụ môi trường dự kiến được chi trả trong năm, thực hiện việc lập dự toán, thanh quyết toán nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định và phù hợp với loại hình hoạt động của đơn vị, đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng đúng mục đích, đúng hạng mục chi theo quy định của pháp luật.

4. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được nhà nước giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng.

a) Trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng, xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi



trường rừng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại: (1) khoản 4 Điều 70 và điểm g khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; (2) khoản 1 Điều 11 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

b) Phối hợp với Quỹ Nông nghiệp và Môi trường và các bên có liên quan tổ chức thành lập Tổ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cấp xã để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn các xã quản lý theo quy định.

c) Giao Ủy ban nhân dân cấp phường, xã chủ trì, phối hợp với cơ quan Kiểm lâm khu vực, Quỹ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện rà soát, xác định cụ thể danh sách chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường, xã quản lý; xác định thông tin tài khoản nhận tiền dịch vụ môi trường rừng, diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân để làm cơ sở cho Quỹ Nông nghiệp và Môi trường chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

5. Chi cục Kiểm lâm và Kiểm lâm khu vực.

Phối hợp, hỗ trợ Quỹ Nông nghiệp và Môi trường về số liệu cập nhật diễn biến rừng hàng năm, làm cơ sở để Quỹ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng và thực hiện công tác xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định. Hạt Kiểm lâm khu vực phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xác định danh sách chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân; diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
 - Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN.
- Vinh ktn KH dịch vụ MTR

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng